

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
VIỆN SỬ PHẠM TỰ NHIÊN

BÁO CÁO TỔNG KẾT
NĂM HỌC 2018 - 2019
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ
NĂM HỌC 2019-2020

NGHỆ AN – 6/2019

Nghệ An, ngày 03 tháng 06 năm 2019

BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2018 - 2019
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2019 - 2020

Phần thứ nhất

TỔNG KẾT NĂM HỌC 2018-2019

Đặc điểm tình hình của đơn vị

Viện SPTN được thành lập theo Quyết định số 260/QĐ-ĐHV ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh, trên cơ sở sáp nhập 16 bộ môn từ 5 đơn vị là khoa Sư phạm Toán học, khoa Vật lý và Công nghệ, khoa Sinh học, khoa Hóa học và Khoa CNTT với tổng số 104 cán bộ, trong đó có 100 giảng viên và 4 chuyên viên. Hiện nay, Viện có 13 bộ môn với tổng số 90 cán bộ (86 giảng viên, 4 chuyên viên).

Viện được tạm thời phân công triển khai các nhiệm vụ về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Trong đó, Viện đảm nhận đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ với các ngành và chuyên ngành sau:

- Trình độ đại học (6 ngành): Sư phạm Toán học, Sư phạm Toán học CLC, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học và Sư phạm Tin học.

- Trình độ thạc sĩ (15 chuyên ngành): Toán giải tích, Đại số và lý thuyết số, Hình học và Tôpô, Lý thuyết xác suất và thống kê toán học, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý, Quang học, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học, Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học, Sinh học thực nghiệm, Động vật học, Thực vật học.

- Trình độ tiến sĩ (10 chuyên ngành): Toán giải tích, Đại số và lý thuyết số, Hình học và Tôpô, Lý thuyết xác suất và thống kê toán học, Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán, Lý luận và phương pháp dạy học môn Vật lý, Quang học, Lý luận và phương pháp dạy học Hóa học, Hóa hữu cơ, Thực vật học.

Số lượng sinh viên: 712, trong đó: Toán (311), Lý (149), Tin (42), Hóa (122), Sinh (88).

Số lượng học viên cao học: 455, trong đó: Toán (168), Lý (133), Hóa (88), Sinh (66).

Số lượng nghiên cứu sinh: 68, trong đó: Toán (25), Lý (17), Hóa (21), Sinh (5).

1. Công tác chính trị, tư tưởng, truyền thông và cải cách hành chính

Đảng ủy Viện đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức Đảng và đoàn thể theo chỉ đạo của Đảng ủy Trường, đề nghị thành lập chi bộ cán bộ ngành Vật lý-Hóa học-Sinh học trên cơ sở sáp nhập 3 chi bộ: chi bộ cán bộ ngành Vật lý, Chi bộ cán bộ ngành Hóa học và chi bộ cán bộ ngành Sinh học. Đã tổ chức quán triệt việc thực hiện kế hoạch năm học 2018-2019 của Trường và của Viện tới tất cả cán bộ, giảng viên. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc nề nếp, kỷ cương dạy học, làm việc; triển khai nhiều hoạt động đổi mới công tác điều hành, quản lý theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Cuối năm học, Viện đã làm tốt công tác xếp loại viên chức hàng tháng theo đúng quy định và hoàn thành việc xét các danh hiệu thi đua trong năm học cho các tập thể và cá nhân.

Cán bộ và sinh viên của Viện gương mẫu chấp hành tốt pháp luật Nhà nước, chủ trương và chính sách của Đảng, kỷ luật và quy định của đơn vị nơi công tác và địa phương nơi cư trú. Đã bồi dưỡng và xét kết nạp Đảng cho 24 sinh viên và 1 cán bộ.

Các hoạt động của Viện thường xuyên được cập nhật thông tin trên subweb, trong đó chú trọng các hoạt động chuyên môn và quảng bá tuyển sinh.

Viện đã xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 60 năm thành lập trường và 60 năm đào tạo ngành Sư phạm Toán học.

Hạn chế: Một vài cán bộ, viên chức còn có hiện tượng không nhất quán giữa nói và làm, một số trong hội nghị không phát biểu nhưng lại có ý kiến khác ở ngoài diễn đàn. Việc triển khai một số chủ trương, công việc của Nhà trường còn chưa kịp thời; việc tham gia góp ý kiến cho các văn bản của Nhà trường còn chưa nhiều.

2. Công tác tuyển sinh

Để nâng cao chất lượng tuyển sinh, Ban Lãnh đạo Viện đã phân công TS. Trần Trị Kim Oanh – Phó Viện trưởng trực tiếp phụ trách công tác truyền thông, tuyển sinh của Viện và thành lập tổ tư vấn tuyển sinh gồm 5 thành viên đại diện của 5 ngành đào tạo (Nguyễn Lâm Đức, Nguyễn Hoàng Hào, Trần Xuân Sang, Ông Vĩnh An, Dương

Xuân Giáp). Tổ tư vấn đã lập kế hoạch và đã triển khai nhiều hình thức quảng bá tuyển sinh: thông qua subweb của Viện, mạng xã hội; sinh viên đang học tập tại trường, cựu sinh viên; giáo viên chủ nhiệm lớp và khảo sát nhu cầu học sinh lớp 12 của khoảng 70 trường THPT trên địa bàn các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa và Hà Tĩnh,... Sau đó Viện cử giảng viên liên hệ trực tiếp học sinh có nguyện vọng để tư vấn.

Hạn chế: Công tác tuyển sinh chưa đạt yêu cầu về cả số lượng và chất lượng đối với cả hệ đại học và sau đại học; chưa huy động hiệu quả được toàn bộ hệ thống chính trị của Viện trong công tác tuyển sinh đặc biệt là quảng bá tuyển sinh.

3. Công tác đoàn thể, quần chúng và công tác sinh viên học viên

Công đoàn Viện đã tổ chức và triển khai tốt Nghị quyết đại hội công đoàn trường, các hoạt động do Công đoàn trường tổ chức và các nhiệm vụ của Công đoàn Viện trong năm học 2018-2019.

Công tác đánh giá rèn luyện của sinh viên, học viên được thực hiện đúng quy định đảm bảo công bằng và khách quan. Viện đã tổ chức xét thưởng nhiều học bổng cho sinh viên theo kế hoạch chung của Nhà trường. Có 12 sinh viên của Viện được nhận học bổng của Viện nghiên cứu cao cấp về Toán; 15 sinh viên nhận học bổng Odon Vallet,...

Theo phương thức đào tạo tín chỉ, khóa 55 đã hoàn thành chương trình học tập với tỉ lệ tốt nghiệp đợt 1 là 299/369 (81,03%); trong đó có 8 sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc (2,68%), 80 sinh viên tốt nghiệp loại giỏi (26,76%), 197 SV tốt nghiệp loại khá (65,89%), 14 tốt nghiệp loại trung bình (4,68%), còn 70 sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp.

100% SV trong đội tuyển Olympic Toán học và Hóa học đã đạt giải trong kỳ thi Olympic Toán học và Olympic Hóa học Sinh viên toàn quốc năm 2018.

Trong năm học 2018-2017, Liên chi đoàn và Liên Chi hội Sinh viên Viện SPTN đã tham gia và tổ chức nhiều hoạt động thiết thực và bổ ích nhằm kết nối sinh viên các ngành trong Viện. Chẳng hạn, tổ chức thi Rung chuông vàng, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT khác đã thu hút được đa số Đoàn viên tham gia tích cực.

Hạn chế: Việc quản lý học tập của sinh viên chưa được quan tâm, đặc biệt là kiểm soát việc tự học. Việc nắm bắt tình hình học sinh, sinh viên ngoại trú và các hoạt động về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho sinh viên

còn hạn chế. Vẫn còn một số sinh viên bỏ học, vi phạm pháp luật, vi phạm quy chế thi và việc thực hiện nếp sống văn hóa.

Hạn chế:

3. Công tác tổ chức và xây dựng đội ngũ

- Trong năm học 2018-2019, công tác tổ chức của Viện đã đi vào ổn định theo đề án tái cấu trúc Nhà trường và quy chế về công tác cán bộ của Nhà trường. Các bộ môn đều được sắp xếp dựa trên chức năng, nhiệm vụ đào tạo Đại học và Sau đại học: mỗi bộ môn đều phụ trách ít nhất 1 ngành đào tạo Đại học hoặc 1 chuyên ngành đào tạo Sau đại học.

- Đội ngũ của Viện hiện tại có 24 giáo sư, phó giáo sư, 45 tiến sĩ trên tổng số 85 giảng viên (GV có trình độ TS. đạt trên 80%). Có 4 cán bộ đang học trình độ tiến sĩ ở nước ngoài; 5 cán bộ đang thực tập sinh ở nước ngoài; 4 cán bộ đang học trình độ tiến sĩ ở trong nước (1 giảng viên được cử đi học NCS trong năm học 2018-2019); 14 cán bộ đạt trình độ tiếng Anh B2; 22 cán bộ đạt trình độ tiếng Anh B1; có 10 cán bộ được bồi dưỡng trình độ trung cấp lý luận chính trị-hành chính.

- Công tác phân công giảng dạy, bố trí chuyên môn được Viện và các bộ môn thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, quy mô Viện và của từng bộ môn.

- Để định hướng sự phát triển của Viện trong thời gian tới, Viện đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển của Viện giai đoạn 2019-2021, tầm nhìn đến năm 2025. Bản dự thảo đã được triển khai lấy ý kiến rộng rãi trong toàn Viện.

Hạn chế: Trình độ ngoại ngữ thực tế của giảng viên chưa đồng đều, kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của một số giảng viên chưa tốt.

5. Công tác đào tạo và bồi dưỡng giảng viên

5.1. Công tác đào tạo

- Viện đã tích cực triển khai công tác xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO; đã triển khai việc tổ chức dạy học theo CDIO cho sinh viên các khóa 58 và 59.

- Các hoạt động đào tạo của Viện đã được tổ chức và triển khai đảm bảo đúng quy chế hiện hành. Công tác giảng dạy, coi thi, chấm thi học phần và biên soạn bài giảng, câu hỏi thi học phần đã được các bộ môn, giảng viên thực hiện nghiêm túc.

- Tổ chức thành công Hội thi nghiệp vụ sư phạm năm học 2018-2019 cho sinh viên 5 ngành Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học và Sư phạm Tin học. Đội tuyển NVSP của Viện đã đạt giải Nhì trong Hội thi NVSP cấp trường năm học 2018-2019.

- Căn cứ vào chương trình phổ thông mới, Viện đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa chuẩn đầu ra và nội dung chương trình đào tạo khóa 58 và 59.

- Tham gia xây dựng chương trình và giảng dạy tiếng Anh cho hệ THPT chất lượng cao các môn Toán, Vật lý, Hóa học và Sinh học.

- Viện đã hoàn thành việc xây dựng đề án quy hoạch PTN phục vụ đào tạo theo CDIO; tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả trang thiết bị hiện có tại các PTN trong đào tạo, NCKH.

- Công tác đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo đã được chú trọng. Nhiều giảng viên đã có những sáng kiến kinh nghiệm đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo. Các bộ môn tổ chức tốt việc dự giờ thăm lớp Trong giảng dạy giảng viên quan tâm hơn về các mặt: Phương pháp và nội dung trình bày, đánh giá tinh thần thái độ học tập của sinh viên, theo dõi kỷ luật trong giờ học, bám sát nội dung chương trình chi tiết học phần, viết tài liệu phục vụ dạy và học, thực hiện đúng lịch trình giảng dạy.

- Công tác hỗ trợ người học: Cố vấn học tập đã bám sát sinh viên để tư vấn, hướng dẫn sinh viên đăng ký và xây dựng kế hoạch học tập.

+ Tổng số giờ giảng dạy toàn Viện: (năm học 2017 - 2018: 28.015, năm học 2018-2019: 27.198), trong đó:

- Tổng số giờ giảng dạy đại học hệ chính quy: **21.237** (năm học 2017 - 2018: 22.474)

- Tổng số giờ giảng dạy sau đại học: **5.961** (năm học 2017 - 2018: 5174)

- Tổng số giờ giảng dạy đại học hệ vừa làm vừa học: **526** (493)

- Tổng số giờ thỉnh giảng: **925** (904,75)

+ Số tiết dự giờ thao giảng: **132** (120)

+ Số buổi sinh hoạt chuyên môn của tổ bộ môn: **134** (83)

+ Số lượng luận văn thạc sĩ đã bảo vệ: 200 (256)

+ Số lượng nghiên cứu sinh bảo vệ (cấp trường): **8** (9)

Hạn chế: Một số giảng viên còn lạm dụng bài giảng điện tử trong giảng dạy.

Chưa có nhiều giảng viên xây dựng được hệ thống bài tập, học liệu để hỗ trợ sinh viên học tập; các hoạt động tương tác giữa thầy và trò còn ít trong dạy học.

4.2. Công tác bồi dưỡng giáo viên

Trong năm học 2018-2019, Viện được Nhà trường giao nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng Giáo viên THCS theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên THCS. Viện cũng đã chủ động hợp tác mở 1 số lớp bồi dưỡng giáo viên tại Tây Ninh, Nghệ An.

Nhiều cán bộ của Viện đã tham gia các hội nghị, hội thảo tập huấn trong khuôn khổ dự án ETEP và đóng góp nhiều ý kiến cho Bộ giáo dục về chương trình phổ thông mới.

Viện đã cử 6 giảng viên nguồn và 30 giảng viên sư phạm chủ chốt tham gia tập huấn theo chương trình ETEP và RGEP của Bộ Giáo dục và Đào tạo chuẩn bị cho công tác bồi dưỡng giáo viên phổ thông trong năm 2019.

Viện đã hoàn thành nhiệm vụ thuộc chương trình ETEP đề xuất chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên THCS theo chuẩn nghề nghiệp mới; đang chủ trì xây dựng 4 chương trình đào tạo bậc THCS thuộc chương trình ETEP của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Công tác đảm bảo chất lượng và thanh tra giáo dục

Thực hiện nghiêm túc các kế hoạch kiểm tra nền nếp dạy học và các hoạt động trong Viện. Làm tốt công tác tổ chức thi kết thúc học phần cho các bậc học, loại hình đào tạo đúng quy định. Trong năm học, Nhà trường đã tiến hành kiểm tra công tác hành chính của Viện. Trong đó, đã chỉ ra những kết quả đạt được và những tồn tại của Viện ở tất cả các lĩnh vực hoạt động. Trên cơ sở đó, Viện đã xây dựng kế hoạch thực hiện để khắc phục những tồn tại theo kết luận kiểm tra hành chính Viện của Hiệu trưởng nhà trường.

Trong năm học 2018-2019, Viện đã cử cán bộ phụ trách công tác đảm bảo chất lượng của Viện và của 5 ngành đào tạo. Tất cả cán bộ đó đều được Nhà trường bồi dưỡng về công tác đảm bảo chất lượng. Hiện nay, Viện đang triển khai kế hoạch Tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Toán học và ngành Sư phạm Hóa học.

Hạn chế: Chưa xây dựng được kế hoạch thanh tra, kiểm tra cụ thể. Còn có hiện tượng chưa đảm bảo về thời gian trong tổ chức chấm bài thi, nhất là bài thi sau đại học. Công tác đảm bảo chất lượng bên trong của Viện chưa được thực hiện đúng quy trình.

5. Công tác nghiên cứu khoa học, xuất bản và hợp tác quốc tế

Nghiên cứu khoa học là thế mạnh của Viện so với các đơn vị trong Trường. Cán bộ giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên của Viện đã và đang chủ trì và tham gia

thực hiện nhiều nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp. Các đề tài NCKH thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản đã hoàn thành đúng tiến độ, đáp ứng tốt các yêu cầu đề ra, đóng góp lớn cho nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là cán bộ trẻ.

Viện đã triển khai thực hiện 16 đề tài trọng điểm cấp trường về xây dựng đề cương chi tiết, bài giảng theo chương trình CDIO.

Việc NCKH trong sinh viên cũng được chú trọng và đạt được nhiều kết quả tốt. Trong năm học, có 4 đề tài NCKH của Sinh viên đã đạt giải thưởng sinh viên NCKH cấp trường: 1 giải Nhất, 1 giải Nhì, 1 giải Ba và 1 giải Khuyến khích.

Trên cơ sở các mối quan hệ đã thiết lập từ 5 đơn vị cũ, Viện vẫn duy trì các mối quan hệ, hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước: Trường đại học Zielona Gora Ba Lan, Viện Hàn lâm khoa học công nghệ Việt Nam, Viện nghiên cứu cao cấp về Toán, Trung tâm Vật lý lý thuyết ICTP (Italy), ... Đặc biệt, sau khi thành lập Viện đã làm việc với trường đại học Zielona Gora Ba lan và điều phối viên chương trình học bổng Erasmus nhằm mở rộng hợp tác sang các ngành Toán học, Sinh học, Hóa học và Tin học.

- Tổng số buổi seminar khoa học:	131 (159)
- Tổng số bài báo công bố quốc tế:	38 (55)
- Tổng số bài báo công bố trong nước:	63 (80)
- Tổng số báo cáo ở hội nghị, hội thảo:	59 (29)
- Số giáo trình xuất bản:	10 (19)
- Số đề tài cấp Bộ:	12 (6)
- Số đề tài cấp Trường:	24 (16)
- Số đề tài đang thực hiện:	22 (19)

Hạn chế: Chất lượng của các công bố khoa học của Viện còn chưa tương xứng với tiềm năng, chẳng hạn số lượng công bố của những công trình có chất lượng cao và công bố trên các tạp chí uy tín hàng đầu rất ít; các chuyên ngành PPGD chưa có công bố ở tạp chí thuộc danh mục ISI, chỉ số ảnh hưởng của các công trình đã công bố khá thấp; chưa có những đề tài liên ngành và tính ứng dụng rộng rãi; các đề tài CDIO còn chậm tiến độ.

7. Công tác xây dựng cơ sở vật chất

Viện đã quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất của nhà trường. Từng bước hoàn thiện các cơ sở vật chất, đảm bảo để các hoạt động của Viện được tổ chức thực hiện thuận lợi. Hệ thống văn phòng và phòng làm việc của Viện được bố trí tương đối hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai công tác và giao dịch của người học.

7. Công tác sinh viên, học viên

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2019 - 2020

1. Quan điểm chỉ đạo chung

Tiếp tục phát huy những lợi thế của đơn vị trong đào tạo, nghiên cứu khoa học; hoàn thiện cơ cấu tổ chức của đơn vị theo chức năng nhiệm vụ được quy định; hoàn thiện hệ thống văn bản quy định để điều hành tốt, đúng quy định các hoạt động của đơn vị; thực hiện tốt các chủ trương, chỉ đạo của Nhà trường và Quy chế hoạt động, Quy chế làm việc của Viện; chỉ đạo quyết liệt và đưa ra nhiều giải pháp đồng bộ để cải thiện tình hình tuyển sinh và nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm học 2019 - 2020 của Nhà trường.

2. Một số nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Về công tác tổ chức cán bộ và xây dựng đội ngũ

Nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao trong đào tạo và nghiên cứu khoa học của Viện, theo định hướng xây dựng Viện thành trường đại học nghiên cứu:

- Tạo nguồn bổ sung giảng viên cho các ngành;
- Rà soát lại quy hoạch các chức danh Giáo sư, Phó giáo sư ở Viện, xây dựng kế hoạch và động viên giảng viên đăng ký xét tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư;
- Thực hiện tốt các quy định của Nhà trường về công tác cán bộ như: đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, kéo dài thời gian làm việc,...

2.2. Về công tác tuyển sinh

Nâng cao nhận thức cho cán bộ của vai trò của công tác tuyển sinh, phân đấu vừa tuyển sinh đủ các chỉ tiêu đại học, sau đại học và vừa đảm bảo chất lượng đầu vào không quá thấp:

- Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể cho giảng viên, các bộ môn, các ngành trong việc đưa các thông tin tuyển sinh tới các Trường THPT trên địa bàn 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh.

- Xây dựng hệ thống các cộng tác viên tư vấn thông tin tuyển sinh trong đội ngũ cựu sinh viên của Viện đang công tác ở trường phổ thông.

- Mở rộng địa bàn quảng bá tuyển sinh, chủ động liên kết với một số đơn vị chức năng ở các địa phương để quảng bá và liên kết tuyển sinh.

- Sử dụng các phương tiện truyền thông như báo chí, facebook,... phục vụ việc quảng bá tuyển sinh.

- Chủ động làm việc với các Sở Giáo dục, Phòng giáo dục và đào tạo, các trường THPT thiết lập hợp tác trong bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên các cấp kết hợp với quảng bá tuyển sinh.

2.3. Về công tác đào tạo

Tăng cường chỉ đạo để nâng cao chất lượng đào tạo; thực hiện các giải pháp đồng bộ về điều chỉnh chương trình, tổ chức dạy học,... để phù hợp với thực tế chất lượng tuyển sinh đầu vào khá thấp và không đồng đều. Cụ thể:

- Tiếp tục hoàn thiện các chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO, đồng thời triển khai tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo CDIO để giữ vững và nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là trong bối cảnh trình độ đầu vào của sinh viên không đồng đều.

- Tăng cường ứng dụng CNTT để nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học.

- Thực hiện các biện pháp để tăng cường công tác rèn nghề cho sinh viên.

- Tiếp tục đổi mới hình thức, nội dung hội thi nghiệp vụ sư phạm.

- Xây dựng quy định cụ thể về chế độ thăm lớp, dự giờ, thao giảng trong Viện.

- Triển khai đề án tuyển sinh đào tạo hệ cử nhân chất lượng cao ngành Sư phạm Toán học.

- Tiếp tục tham gia dạy học ở trường THPT chuyên và hệ phổ thông chất lượng cao.

- Thực hiện nhiệm vụ đào tạo lại và bồi dưỡng giáo viên theo Dự án ETEP và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

- Hoàn thiện và bổ sung ngân hàng đề thi học phần đại học và cao học.

- Xây dựng quy định về quản lý đào tạo sau đại học.

- Xây dựng quy định về tăng cường công tác quản lý người học (sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh) theo đặc thù đào tạo sư phạm và định hướng đại học nghiên cứu

của Viện.

- Triển khai đào tạo ngành Sư phạm KHTN.
- Đẩy mạnh công tác rèn luyện nghề nghiệp cho sinh viên tại các trường THPT.

Tiến hành ký kết biên bản hợp tác với một số trường THPT và phòng giáo dục đào tạo trong việc phối hợp rèn luyện NVSP và bồi dưỡng giáo viên.

2.4. Công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và xuất bản giáo trình

Tiếp tục chỉ đạo phát huy các ưu thế và thành tích trong nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh các hợp tác quốc gia, quốc tế trên cơ sở các hợp tác đã có và mở rộng mối quan hệ hợp tác mới.

- Đẩy mạnh các hoạt động của các nhóm nghiên cứu.

- Tổ chức hội thảo khoa học để quảng bá hình ảnh của Viện, đặc biệt là tổ chức các hoạt động khoa học trong chuỗi các hoạt động kỷ niệm 60 năm thành lập Trường Đại học Vinh vào 60 năm đào tạo ngành Sư phạm Toán học

- Chủ động tìm hiểu thông tin và tiếp cận các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp.

- Rà soát và đề xuất bổ sung hệ thống tài liệu, giáo trình ở tất cả chương trình đào tạo, các học phần mà Viện phụ trách, đảm nhận.

- Tiếp tục duy trì, mở rộng các hợp tác quốc tế đã thiết lập.

- Tăng cường hợp tác với các Viện nghiên cứu, Trường đại học và Sở giáo dục và đào tạo.

2.5. Công tác đảm bảo chất lượng và thanh tra giáo dục

Xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện nghị quyết của Đảng ủy Trường về công tác đảm bảo chất lượng trong nhà trường. Xây dựng kế hoạch và thực hiện việc kiểm định các chương trình đào tạo đại học do Viện phụ trách. Hoàn thành việc kiểm định ngành Sư phạm Hóa học và kiểm định AUN ngành Sư phạm Toán học. Xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra toàn diện các hoạt động của Viện.

2.6. Công tác sinh viên, học viên

Chỉ đạo làm tốt công tác quản lý sinh viên, học viên về chính trị tư tưởng cũng như nề nếp học tập, rèn luyện. Tăng cường các hoạt động của sinh viên toàn Viện nhằm tạo cơ hội cho các em sinh viên thuộc các ngành khác nhau ngày càng gắn kết, có thể hợp tác với nhau trong học tập cũng như trong nghiên cứu khoa học. Tập dượt

nguồn lực học viên cao học, nghiên cứu sinh để hỗ trợ cho sinh viên trong học tập, nghiên cứu khoa học thông qua các hoạt động seminar học thuật.

2.7. Công tác cơ sở vật chất và đời sống

Tiếp tục bổ sung hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất của Viện. Thực hiện phân công lao động hợp lý trên cơ sở đảm bảo chuyên môn, nhằm khuyến khích giảng viên, người lao động của Viện tích cực, sáng tạo trong công tác. Chủ động, sáng tạo để nâng cao nguồn thu cho Viện, góp phần nâng cao đời sống cho người lao động của đơn vị.

2.8. Các công tác khác

Tham gia và tổ chức các hoạt động tới kỷ niệm 60 năm thành lập Trường Đại học Vinh và 60 năm đào tạo ngành Sư phạm Toán học.

3. Một số kiến nghị

3.1. Về công tác tổ chức, hành chính

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý cấp Viện nhằm tăng quyền chủ động, mà cụ thể là đảm bảo cho Viện chủ động trong triển khai các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc gia và quốc tế, đặc biệt là tự chủ trong các hoạt động dịch vụ giáo dục, chuyên giao khoa học công nghệ.

- Xem xét dân mật độ triển khai nhiều chính sách mới trong các hoạt động của Nhà trường nhằm đảm bảo cho giảng viên có thời gian thực hiện có chất lượng các nhiệm vụ.

- Xem xét xây dựng phương án tính giờ giảng dạy các lớp bồi dưỡng thành giờ chuẩn trong giai đoạn khó khăn về công tác tuyển sinh.

3.2. Về công tác đào tạo, kiểm định chất lượng

- Xem xét tuyển thẳng các học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh các môn khoa học tự nhiên vào Viện.

- Cho phép Viện xây dựng những quy định đặc thù trong quản lý, tổ chức dạy học cho sinh viên ngành sư phạm, học viên cao học và nghiên cứu sinh của Viện.

- Xem xét chuyển công tác thực tập Sư phạm cho Viện tự chủ quản lý và triển khai.

- Tiếp tục hỗ trợ công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên và sinh viên phục vụ cho kiểm định AUN ngành Sư phạm Toán học.

3.3. Về nghiên cứu khoa học

Xem xét giao quyền cho Viện xét duyệt và triển khai các đề tài KHCN cấp

Trường với nguồn kinh phí được phân bổ trọn gói cho Viện.

3.4. Về công tác cơ sở vật chất và đời sống

- Bố trí 1 đến 2 phòng cố định để giảng viên làm việc nhóm với sinh viên.
- Tiếp tục bổ sung các trang thiết bị đã đề xuất.

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Kiều Phương Chi

Nghệ An, ngày 15 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2018 - 2019

Thực hiện chỉ đạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc xây dựng kế hoạch năm học 2018 - 2019; Công văn số 706/ĐHV-KHTC ngày 29/06/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch đào tạo, giảng dạy và lập dự toán ngân sách năm học 2018 - 2019. Viện Sư phạm Tự nhiên đã xây dựng kế hoạch năm học 2017 - 2018 căn cứ trên các cơ sở sau:

1. Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Viện Sư phạm Tự nhiên;
2. Quy định của Nhà nước và nhà trường về nhiệm vụ và chế độ làm việc của GV;
3. Quy chế chi tiêu nội bộ của trường Đại học Vinh (2016) và Quy chế sửa đổi bổ sung năm 2017;
4. Chương trình đào tạo hiện hành của trường Đại học Vinh;
5. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2017 - 2018;
6. Phương hướng, nhiệm vụ năm học 2018 - 2019 của Trường Đại học Vinh và Viện Sư phạm Tự nhiên;
7. Công văn số 706/ĐHV-KHTC ngày 29/06/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch đào tạo, giảng dạy và lập dự toán ngân sách năm học 2018 - 2019.

1. Công tác tổ chức và bồi dưỡng cán bộ

Tổng số CB toàn Viện trong năm học 2018 - 2019: **90**

Trong đó: CBGD: 86, Hành chính: 04.

Bao gồm: 1 GS.TS., 23 PGS.TS., 48 TS., 18 ThS. (9 NCS)

Cán bộ quản lý gồm: Ban lãnh đạo Viện: 5 người; Trưởng bộ môn: 13 người, Phó trưởng BM: 3 người.

- Ngành Toán học: có 35 CBGD và 01 CB hành chính, trong đó: 10 PGS.TS, 22 TS, 02 NCS, 1 ThS; tổng định mức giờ chuẩn phải đảm nhận là: 20.650 giờ.

- Ngành Vật lý: có 13 CBGD và 01 CB hành chính, trong đó: 4 PGS.TS, 5 TS, 4 NCS và 1 ThS; tổng định mức giờ chuẩn phải đảm nhận: **6460 giờ**.

- Ngành Hóa học: có 17 CBGD và 01 CB hành chính, trong đó: 7 PGS.TS, 4 TS, 1 NCS, 5 ThS; tổng định mức giờ chuẩn phải đảm nhận: **10.185 giờ**.

- Ngành Sinh học: có 16 CBGD và 01 CB hành chính, trong đó: 2 PGS.TS, 13 TS, 1 NCS và 1 ThS; tổng định mức giờ phải đảm nhận: **7355 giờ**.

- Ngành Tin học: có 5 CBGD và 0 CB hành chính, trong đó: 0 PGS.TS, 3 TS, 2 ThS; tổng định mức giờ chuẩn phải đảm nhận: **2760 giờ**.

Trong đó:

- 05 Cán bộ đi thực tập sinh sau tiến sĩ ở nước ngoài (Sinh: 3, Toán: 1, Hóa: 1)
- 09 cán bộ đang học NCS (Toán: 2, Hóa: 1, Sinh: 2, Vật lý: 4, Tin: 0)
- 03 cán bộ đăng ký học NCS trong năm học (Hóa: 2, Toán: 1)

(Chi tiết ở biểu 6 kèm theo)

2. Công tác tuyển sinh

2.1. Đào tạo ĐH hệ chính quy đào tạo 5 ngành với tổng số: 712 SV

- Ngành Sư phạm Toán học (K55 về trước, K56, K57, K58) với tổng số 311 SV.
 - Ngành Sư phạm Vật lý (K55 về trước, K56, K57, K58) với tổng số 149 SV.
 - Ngành Sư phạm Hóa học (K55 về trước, K56, K57, K58) với tổng số: 122 SV.
 - Ngành Sư phạm Sinh học (K55 về trước, K56, K57, K58) với tổng số: 88 SV.
 - Ngành Sư phạm Tin học (K55 về trước, K56, K57, K58) với tổng số: 42 SV.
- Số SV dự kiến tuyển được trong năm học 2018 - 2019: 50 (SP Toán: 35; SP Hóa: 15)

2.2. Đào tạo không chính quy (ĐH Hệ vừa làm vừa học, đào tạo khác) với tổng số: 106 SV

- Ngành Sư phạm Toán học (K57, K58): 85 SV (K57: 35, K58: 50).
- Ngành Sư phạm Sinh học (K58): 21 SV
- Ngành Sư phạm Hóa học (K58): 0
- Ngành Sư phạm Vật lý (K58): 0
- Ngành Sư phạm Tin học (K58): 0

2.3. Đào tạo Thạc sĩ trong và ngoài trường 15 chuyên ngành với tổng số: 755 học viên

- Ngành Toán học (5 chuyên ngành): 268 (168 + 100) HV
- Ngành Vật lý (2 chuyên ngành): 173 (133 + 40) HV

- Ngành Hóa học (4 chuyên ngành): 168 (88 + 80) HV

- Ngành Sinh học (4 chuyên ngành): 146 (66 + 80) HV

2.4. Đào tạo Tiến sĩ 10 chuyên ngành với tổng số 88 NCS

- Ngành Toán học (5 chuyên ngành): 35 NCS (25+10)

- Ngành Vật lý (2 chuyên ngành): 21 NCS (17+4)

- Ngành Hóa học (2 chuyên ngành): 25 NCS (21+4)

- Ngành Sinh học (1 chuyên ngành): 7 NCS (5+2)

Đề xuất các giải pháp tuyển sinh

1. Nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của cán bộ, giảng viên trong nhà Trường nói chung, Viện Sư phạm tự nhiên nói riêng về công tác tuyển sinh của Nhà trường.

2. Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá giới thiệu Trường Đại học Vinh, Viện Sư phạm tự nhiên và các ngành thông qua website của Nhà trường, mạng xã hội và các phương tiện truyền thông khác; đặc biệt chú trọng việc truyền thông, quảng bá thông qua học viên cao học, nghiên cứu sinh là giáo viên THPT đến học sinh THPT về vị thế, vai trò của nghề giáo viên trong xã hội.

3. Nhà trường, Viện Sư phạm tự nhiên cần phối hợp với báo chí, truyền hình,... cung cấp thông tin để phụ huynh, học sinh hiểu rõ hơn cơ cấu tổ chức, vai trò, vị thế của Viện Sư phạm tự nhiên trong việc nâng cao chất lượng đào tạo sư phạm.

4. Tập trung nguồn lực để nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ người học nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, đặc biệt là yêu cầu của chương trình phổ thông mới.

5. Giới thiệu vị trí, vai trò của các môn học (Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học) trong chương trình phổ thông mới thông qua các phương tiện truyền thông để phụ huynh, học sinh biết được nhu cầu giáo viên đáp ứng yêu cầu của chương trình sách giáo khoa mới.

6. Công tác Đoàn - Hội cần chú trọng các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và định hướng nghề nghiệp.

3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên

3.1. Định mức giờ chuẩn giảng dạy

- Tổng số giờ chuẩn giảng dạy phải đảm nhận trong năm theo chức danh cho tất cả CBGD trong Viện : **21735 tiết (1)**, Trong đó: Ngành Toán học: 9450; Ngành Vật lý: 2970; Ngành Hóa học: 4950; Ngành Sinh học: 3375; Ngành Tin học: 1350.

- Giờ được *miễn giảm* trong năm học là **3105 tiết** (chỉ tính giờ giảng dạy) (2).

(Chi tiết ở biểu 3 kèm theo)

- Tổng số giờ chuẩn toàn Viện còn phải đảm nhận trong năm học (1) - (2):

18630 tiết

- Tổng số giờ chuẩn dự kiến toàn Viện đảm nhận năm học 2018- 2019 ở tất cả các hệ: **34.245** tiết.

- Tổng số giờ của cán bộ hành chính Trường tham gia giảng dạy: **3981** tiết

- Tổng số giờ của cán bộ thỉnh giảng: **1867** tiết

(Chi tiết ở Biểu 2 kèm theo)

- Dự kiến tổng số giờ vượt chuẩn cả năm học của toàn Viện: **15.615** tiết.

Trong đó: Ngành Toán học: 5.820; Ngành Vật lý: 2.501 tiết; Ngành Hóa học: 2.104; Ngành Sinh học: 1051; Ngành Tin học: 3.339.

(Chi tiết ở Biểu 2 kèm theo)

3.2. Kế hoạch giảng dạy (Có phụ lục chi tiết của các bộ môn kèm theo)

- Tổng số người học tất cả các hệ: 2.035 (chi tiết ở Biểu 1)

- Định mức giờ chuẩn của 13 Bộ môn (chi tiết ở Biểu 3)

- Kế hoạch giảng dạy của 13 Bộ môn theo các học phần cụ thể (chi tiết ở Biểu 2)

Một số nhiệm vụ trọng tâm

1. Nâng cao năng lực giảng dạy của giảng viên đáp ứng chương trình đào tạo tiếp cận CDIO;

2. Điều chỉnh chương trình đào tạo và tổ chức dạy học phân hóa cho phù hợp với trình độ sinh viên khóa 58 và 59;

3. Phân công giảng viên tư vấn, hỗ trợ sinh viên khóa 58, 59 trong quá trình học tập;

4. Xây dựng một số chuyên đề bổ túc kiến thức phổ thông (Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin) cho các SV khóa 59.

5. Hoàn thiện chương trình bồi dưỡng GV các môn học (Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin) theo chương trình phổ thông mới.

4. Công tác nghiên cứu khoa học

4.1. Đề tài NCKH các cấp của giảng viên

- Đang triển khai thực hiện 3 đề tài NCKH cấp nhà nước (NAFOSTED), 8 đề tài cấp Bộ, 16 đề tài cấp trường.

- Dự kiến đăng ký 5 đề tài NCKH cấp nhà nước (NAFOSTED), 4 đề tài cấp Bộ, 12 đề tài cấp trường.

4.2. Đề tài NCKH cấp Trường của sinh viên

- Đang triển khai thực hiện 05 đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2018.

- Dự kiến đăng ký và triển khai thực hiện 05 đề tài cấp trường năm 2019.

4.3. Hội thảo khoa học: Đề xuất tổ chức Hội thảo cấp Quốc gia với chủ đề về chương trình và sách giáo khoa mới.

4.4. Công bố khoa học: Dự kiến số bài báo trên tạp chí Quốc tế là 35, số bài báo tạp chí cấp quốc gia là 77, số báo cáo tại các Hội thảo khoa học là 15.

4.5. Xemina khoa học: Các Bộ môn thực hiện Seminar khoa học thường kỳ, gắn nhiệm vụ NCKH với công tác ĐT với tổng số buổi Seminar dự kiến là: 190.

4.6. Xuất bản giáo trình: Tổng số giáo trình dự kiến xuất bản trong năm học là: 10

4.7. Số giờ NCKH và giờ hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác: dự kiến CBGD của Viện thực hiện đủ định mức theo quy định.

5. Các hoạt động phục vụ đào tạo đề nghị cấp kinh phí

Tổng kinh phí đề nghị cấp: **2.905.932.000** đồng (chi tiết ở biểu 4)

5.1. Hoạt động thực hành, thí nghiệm: 254.992.000 đồng

5.2. Công tác thực tập, kiến tập, rèn nghề và các hoạt động khác: 2.650.940.000 đồng.

1. Hoạt động thực tập (khóa 56), kiến tập sư phạm (khóa 57).
2. Các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cho sinh viên (Hội thi NVSP, hoạt động của các câu lạc bộ, ...)
3. Xuất bản giáo trình
4. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ và TDTT cho sinh viên
5. Hoạt động đảm bảo chất lượng (chuẩn bị đánh giá kiểm định AUN chương trình ngành Sư phạm Toán học)
6. Tổ chức Hội thảo Quốc gia về chương trình SGK phổ thông mới
7. Mời chuyên gia trong nước và ngoài nước báo cáo chuyên đề
8. Hoạt động kỷ niệm 50 năm thành lập khoa Toán học.

6. Kế hoạch mua sắm, sửa chữa trong thiết bị văn phòng

Tổng số kinh phí: 100.400.000 đồng (chi tiết ở biểu 5)

7. Kế hoạch đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ

Tổng số kinh phí dự kiến thu được: 3.700.000.000 (chi tiết ở biểu 8)

8. Tổng hợp thu - chi trong năm học (biểu 11)

Tổng thu: **24.743.110.000** đồng (chi tiết Biểu 9)

Tổng chi: **26.721.085.000** đồng (chi tiết Biểu 10)

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Kiều Phương Chi

PHỤ LỤC 1

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG DẠY

TT	Tên ngành, bộ môn	Đội ngũ cán bộ			
		GS, PGS.TS	TS	NCS	ThS
I	Ngành Toán học	11	22	2	1
1	Giải tích	4	5	0	1
2	Đại số - Hình học	3	9	0	0
3	Xác suất thống kê và toán ứng dụng	2	5	2	0
4	Phương pháp GD Toán học	1	4	0	0
II	Ngành Tin học	0	3	0	2
1	Tin học	0	2	1	2
III	Ngành Vật lý	4	5	4	1
1	Vật lý	2	3	3	0
2	Phương pháp GD Vật lý	2	0	1	1
IV	Ngành Hóa học	7	5	1	5
1	Hóa hữu cơ - Hóa lý	2	1	3	2
2	Hóa vô cơ - phân tích	1	2	0	3
3	Phương pháp GD Hóa học	3	2	0	0
V	Ngành Sinh học	2	13	1	1
1	Động vật - Sinh lý	1	5	0	0
2	Thực vật	2	4	1	0
3	Phương pháp GD Sinh học	0	5	0	1
	Tổng toàn viện	24	48	8	10

PHỤ LỤC 2

TỔNG HỢP SỐ LIỆU SINH VIÊN, HỌC VIÊN, NCS
NĂM HỌC 2017 - 2018 VÀ 2018 - 2019

(Xem chi tiết ở biểu 1)

TT	Ngành	Đại học CQ		ĐH vừa làm, vừa học		Cao học		Nghiên cứu sinh		Tổng
		2017-18	Mới	2017-18	Mới	2017-18	Mới	2017-18	Mới	
1	Toán học	311	50	35	50	168	60	25	8	789
2	Vật lý	149	50	0	50	133	40	17	4	418
3	Hóa học	122	50	0	50	88	40	21	4	390
4	Sinh học	88	50	21	50	66	40	5	2	316
5	Tin học	42	50	0	50	0	0	0	0	122
	Tổng	712	250	56	250	455	180	68	18	2035

PHỤ LỤC 3

TỔNG HỢP GIỜ GIẢNG DẠY CỦA BỘ MÔN

TRONG NĂM HỌC 2018 - 2019

(Xem chi tiết ở biểu 2 và biểu 3)

TT	Tên ngành, bộ môn	Tổng số giờ dạy				
		Theo chức danh	Miễn giảm	Định mức	Thực hiện	Thừa/ thiếu
I	Ngành Toán học	9450	1094	8357	14177	5820
1	Giải tích	2430	175.5	2254.5	2926	672
2	Đại số - Hình học	3240	554	2687	4200	1513
3	Xác suất thống kê và toán ứng dụng	2430	243	2187	4804	2617
4	Phương pháp GD Toán học	1350	121.5	1228.5	2247	1019
II	Ngành Tin học	1350	243	1107	4446	3339
1	Tin học	1350	243	1107	4446	3339
III	Ngành Vật lý	2970	406	2566	5066	2500
1	Vật lý	1890	311	1580	3322	1742
2	Phương pháp GD Vật lý	1080	95	986	1744	758
IV	Ngành Hóa học	4590	1067	3524	5628	2104
1	Hóa hữu cơ - Hóa lý	1890	432	1458	1974	516
2	Hóa vô cơ - phân tích	1620	392	1229	1340	111
3	Phương pháp GD Hóa học	1080	243	837	2314	1477
V	Ngành Sinh học	3375	297	3078	4129	1051
1	Động vật - Sinh lý	1080	162	918	1829	911
2	Thực vật	945	0	945	1042	97
3	Phương pháp GD Sinh học	1350	135	1215	1258	43
	Tổng toàn viện	21735	3107	18632	33446	15615

PHỤ LỤC 4

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

NĂM HỌC 2018 - 2019

(Xem chi tiết ở biểu 7)

TT	Tên ngành, bộ môn	Số buổi xêmina	Nghiên cứu khoa học					Số GT XB
			Số đề tài cấp Nhà nước	Số đề tài cấp Bộ	Số đề tài cấp trường	Số bài báo trong nước	Số bài báo QT	
I	Ngành Toán học	85	2	4	9	13	16	8
1	Giải tích	25	0	1	3	2	5	2
2	Đại số - Hình học	25	0	1	3	4	3	2
3	Xác suất TK và toán ứng dụng	25	2	2	2	2	7	2
4	Phương pháp GD Toán học	10	0	0	1	5	1	2
II	Ngành Tin học	10	0	0	1	2	1	0
1	Tin học	10	0	0	1	2	1	0
III	Ngành Vật lý	20	1	2	0	10	7	2
1	Vật lý	10	1	1	0	5	5	1
2	Phương pháp GD Vật lý	10	0	1	0	5	2	1
IV	Ngành Hóa học	30	1	2	4	22	4	0
1	Hóa hữu cơ - Hóa lý	10	1	1	1	10	1	0
2	Hóa vô cơ - phân tích	10	0	1	2	6	1	0
3	Phương pháp GD Hóa học	10	0	0	1	6	2	0
V	Ngành Sinh học	45	1	0	4	30	7	0
1	Động vật-Sinh lý	15	0	0	2	10	2	0
2	Thực vật	10	1	0	0	10	3	0
3	Phương pháp GD Sinh học	20	0	0	2	10	2	0
	Tổng toàn viện	190	5	8	18	77	35	10